

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2014

**NGHỊ ĐỊNH****Về tổ chức và hoạt động  
của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;**Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;**Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;**Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Bảo hiểm tiền gửi ngày 18 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;**Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,**Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng; thanh tra viên ngân hàng, cộng tác viên thanh tra ngân hàng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng.

**Điều 2. Đối tượng thanh tra và đối tượng giám sát**

1. Đối tượng thanh tra của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sau đây gọi chung là đối tượng thanh tra ngân hàng):

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

b) Đối tượng thanh tra ngân hàng được quy định tại Điều 52 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả ngân hàng chính sách và công ty con của tổ chức tín dụng;

c) Doanh nghiệp nhà nước do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập;

d) Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (sau đây gọi là tiền tệ và ngân hàng) theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

đ) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có nghĩa vụ chấp hành các quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước.

2. Đối tượng giám sát của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng (sau đây gọi chung là đối tượng giám sát ngân hàng):

a) Đối tượng giám sát ngân hàng được quy định tại Điều 56 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm cả ngân hàng chính sách và công ty con của tổ chức tín dụng;

b) Đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

c) Đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Áp dụng điều ước quốc tế**

Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

### **Điều 4. Nguyên tắc thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng**

1. Bảo đảm tập trung, thống nhất trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ từ Trung ương đến địa phương.

2. Tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng.

3. Thanh tra ngân hàng được tiến hành theo đoàn thanh tra hoặc do thanh tra viên ngân hàng thực hiện.

4. Giám sát ngân hàng được tiến hành thường xuyên, liên tục.

5. Kết hợp thanh tra, giám sát việc chấp hành chính sách, pháp luật với thanh tra, giám sát rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng; kết hợp chặt chẽ giữa thanh tra ngân hàng và giám sát ngân hàng.

6. Thực hiện thanh tra, giám sát toàn bộ hoạt động của tổ chức tín dụng.

7. Thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp có sự khác nhau giữa quy định

về thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với quy định của luật khác thì thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

8. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định trình tự, thủ tục thanh tra ngân hàng, giám sát ngân hàng.

9. Nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 5. Thực hiện kiểm toán độc lập phục vụ yêu cầu thanh tra, giám sát ngân hàng**

1. Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng có quyền yêu cầu đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng phải thuê công ty kiểm toán độc lập kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung về tổ chức, hoạt động, tài chính khi xét thấy cần thiết trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức tín dụng có nguy cơ bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;
- b) Tổ chức tín dụng được xem xét để chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt;
- c) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt cần được đánh giá thực trạng tài chính, xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ để làm cơ sở áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật;
- d) Tổ chức tín dụng được tổ chức lại theo quy định tại Điều 153 Luật Các tổ chức tín dụng;
- đ) Công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng có dấu hiệu ảnh hưởng đến sự an toàn, lành mạnh của tổ chức tín dụng;
- e) Đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng thuộc diện yếu kém cần phải xử lý, cơ cấu lại;
- g) Đánh giá thực trạng tài chính, hoạt động và mức độ an toàn, lành mạnh của đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng để làm cơ sở áp dụng các biện pháp xử lý, bảo đảm an toàn;
- h) Trường hợp nội dung thanh tra, giám sát vượt quá khả năng thực hiện của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng;
- i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng thanh tra ngân hàng, đối tượng giám sát ngân hàng phải thực hiện kiểm toán theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thanh toán các chi phí kiểm toán.

**Chương II**  
**TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**  
**CỦA THANH TRA, GIÁM SÁT NGÀNH NGÂN HÀNG**

**Điều 6. Hệ thống tổ chức của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng**

Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng là cơ quan thanh tra nhà nước, được tổ chức thành hệ thống gồm:

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.
2. Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được thành lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

### **Điều 7. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị tương đương Tổng cục, trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, phòng, chống rửa tiền, bảo hiểm tiền gửi; tiến hành thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật và phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng gồm các Vụ, Cục, Văn phòng tại trụ sở chính và các Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng đặt tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Các đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng được tổ chức phòng.

Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng được ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng**

Chức danh của người đứng đầu của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng. Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thanh tra, giám sát trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; lãnh đạo Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì xử lý việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết việc chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Ra quyết định thanh tra, thành lập đoàn thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra; đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cử thanh tra viên ngân hàng, công chức khác tham gia đoàn thanh tra; trung tập công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia đoàn thanh tra.

4. Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình.

5. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (trừ nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phân công thực hiện; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình.

6. Xem xét xử lý hoặc đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý những vấn đề mà Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không nhất trí với Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ về thanh tra, giám sát được giao.

7. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra, giám sát của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước.

8. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giải quyết vấn đề liên quan đến công tác thanh tra, giám sát; trường hợp kiến nghị về thanh tra không được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ.

9. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý; kiến nghị đình chỉ hoặc hủy bỏ quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra, giám sát.

10. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

11. Kiến nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua thanh tra, giám sát hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, giám sát; yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức xem xét trách nhiệm, xử lý người thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phát hiện qua thanh tra, giám sát hoặc không thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, giám sát.